

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 209 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 27 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2014

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 1898/QĐ-BKHĐT ngày 17/12/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2014;

Căn cứ văn bản số 20/HĐND-HCTCQT ngày 27/01/2014 của Thường trực HĐND tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia kế hoạch năm 2014;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 19/SKH-TH ngày 07/01/2014 và 34/SKH-KTĐN ngày 10/01/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2014 cho các dự án như biểu đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo hướng dẫn hạng mục, cơ cấu vốn đầu tư và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các Chủ đầu tư có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, CV;
- Lưu: VT, CN(P-02b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Cường

BIỂU I: KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2014



(Kèm theo Quyết định số: 209 /UBND-CN ngày 27 tháng 01 năm 2014
của UBND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ		167.349	96.360	70.989	
I	Chương trình MTQG Việc làm và dạy nghề		11.140	2.000	9.140	
1	Dự án Đổi mới và phát triển dạy nghề		820		820	
-	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề	Trường Trung cấp nghề GTVT	820		820	
2	Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn		6.145		6.145	
2.1	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề		2.400		2.400	
-	Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất Trung tâm dạy nghề	TTDN tổng hợp TX Q.Trị	800		800	Xây dựng nhà xưởng thực hành
-	Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất Trung tâm dạy nghề	TTDN tổng hợp Triệu Phong	800		800	Xây dựng nhà xưởng thực hành
-	Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy nghề	TTDN tổng hợp Hải Lăng	800		800	
2.2	Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề; Thí điểm các mô hình dạy nghề		3.600		3.600	
-	Học nghề nông nghiệp	Chi cục PTNT Q.Trị	1.800		1.800	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
-	Học nghề phi nông nghiệp	Sở LĐTB&XH	1.800		1.800	
2.3	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã	Sở Nội vụ	145		145	
3	Dự án Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng	Sở LĐTB&XH	1.675		1.675	
4	Dự án hỗ trợ phát triển thị trường lao động		2.310	2.000	310	
-	Xây dựng sàn giao dịch việc làm vệ tinh	Trung tâm giới thiệu việc làm	2.000	2.000		
-	Hỗ trợ thu thập cơ sở dữ liệu thị trường lao động	Sở LĐTB&XH	210		210	
-	Hỗ trợ tổ chức sàn giao dịch việc làm	Trung tâm giới thiệu việc làm	100		100	
5	Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình		190		190	
-	Tập huấn cán bộ việc làm, dạy nghề	Sở LĐ-TB&XH	45		45	
-	Truyền thông, thông tin, tuyên truyền	Sở LĐ-TB&XH	60		60	
-	Giám sát, đánh giá	Sở LĐ-TB&XH	50		50	
-	nt	Chi cục Phát triển NT Q.Trị	15		15	
-	nt	Sở Tài chính	10		10	
-	nt	Sở KH&ĐT	10		10	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
II	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững		99.088	71.880	27.208	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, HB		64.318	46.680	17.638	
1.1	Tiểu dự án: Hỗ trợ đầu tư huyện nghèo Đakrông theo Nghị quyết 30a		50.312	33.680	16.632	
a	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo		33.680	33.680		Chi tiết như biểu đính kèm
b	Hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội	UBND h. Đkrông	6.572		6.572	
c	Chăm sóc bảo vệ rừng, nhận rừng và đất để trồng rừng sản xuất	UBND h. Đkrông	6.100		6.100	
d	Hỗ trợ xuất khẩu lao động	UBND h. Đkrông	274		274	
e	Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, nâng cao dân trí	UBND h. Đkrông	686		686	
g	Duy tu, bảo dưỡng	UBND h. Đkrông	3.000		3.000	
-	Sửa chữa Cổng tròn liên hợp đường Tà Rọc - Đá Bàn, xã Ba Nang	UBND h. Đkrông	500		500	
-	Sửa chữa đường liên thôn Xa Tăng - Khe Ngải, xã Đakrông	UBND h. Đkrông	400		400	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
-	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt thôn Chai, xã Tà Long	UBND h. Đkrông	700		700	
-	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt thôn Cóc, xã Ba Nang	UBND h. Đkrông	655		655	
-	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt thôn Kà Hẹp, xã Tà Rụt	UBND h. Đkrông	345		345	
-	Sửa chữa cấp nước sinh hoạt thôn Tà Lềng, xã Đakrông	UBND h. Đkrông	400		400	
1.2	Tiểu dự án: Hỗ trợ phát triển hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo		14.006	13.000	1.006	
a	Huyện Hải Lăng (2 xã: Hải An, Hải Khê)	UBND H.Hải Lăng	2.103	2.000	103	
*	Thu hồi theo CV số 17749/BTC-ĐT ngày 25/12/2012 của Bộ Tài chính		1.827	1.827		
+	Chợ cá xã Hải An	UBND H.Hải Lăng	890	890		
+	Chợ cá xã Hải Khê	UBND H.Hải Lăng	937	937		
*	Kế hoạch năm 2014	UBND H.Hải Lăng	276	173	103	
b	Huyện Triệu Phong (4 xã: Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu Phước)	UBND H.Triệu Phong	4.206	4.000	206	
*	Thu hồi theo CV số 17749/BTC-ĐT ngày 25/12/2012 của Bộ Tài chính		2.400	2.400		

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
+	Đường ra bến cá thôn 6 xã Triệu Lăng	UBND H.Triệu Phong	800	800		
+	Đường ra bến cá thôn 10 xã Triệu An	UBND H.Triệu Phong	800	800		
+	Đường ra bến cá thôn 9 xã Triệu Vân - tuyến 2	UBND H.Triệu Phong	800	800		
*	Kế hoạch năm 2014		1.806	1.600	206	
+	Xã Triệu Phước	UBND H.Triệu Phong	1.000	1.000		
+	Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu Phước	UBND H.Triệu Phong	806	600	206	
c	Huyện Gio Linh (3 xã: Trung Giang, Gio Hải, Gio Việt)	UBND H. Gio Linh	3.155	3.000	155	
*	Thu hồi theo CV số 17749/BTC-ĐT ngày 25/12/2012 của Bộ Tài chính		2.617	2.617		
+	Đường ra bến cá thôn Xuân Tiến, xã Gio Việt	UBND H. Gio Linh	138	138		
+	Kênh mương và cống thoát nước ngang đường thôn Tân Xuân, xã Gio Việt	UBND H. Gio Linh	167	167		
+	Kênh mương thôn Hoàng Hà, xã Gio Việt	UBND H. Gio Linh	575	575		
+	Đường ra bến cá thôn 4, xã Gio Hải	UBND H. Gio Linh	122	122		
+	Đường ra bến cá thôn 5 xã Gio Hải	UBND H. Gio Linh	124	124		
+	Đường ra bến cá thôn 6 xã Gio Hải	UBND H. Gio Linh	121	121		

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
+	Đường ra bến cá thôn Diêm Hà, thôn 7, thôn 8, xã Gio Hải	UBND H. Gio Linh	493	493		
+	Kè chống xói mòn đất chợ Bạ, xã Trung Giang	UBND H. Gio Linh	78	78		
+	Đường ra bến cá thôn Cang Gián, xã Trung Giang	UBND H. Gio Linh	331	331		
+	Đường ra bến cá thôn Hà Lợi Trung xã Trung Giang	UBND H. Gio Linh	468	468		
*	Kế hoạch năm 2014	UBND H. Gio Linh	538	383	155	
d	Huyện Vĩnh Linh (3 xã: Vĩnh Thái, Vĩnh Giang, Vĩnh Thạch)	UBND H.Vĩnh Linh	3.542	3.000	542	
*	Thu hồi theo CV số 17749/BTC-ĐT ngày 25/12/2012 của Bộ Tài chính		3.542	3.000	542	
+	Đường từ thôn Tân Mạch ra bến cá (giai đoạn 2) xã Vĩnh Thái	UBND H.Vĩnh Linh	886	344	542	
+	Đường từ thôn Tây ra bến cá, Vĩnh Kim	UBND H.Vĩnh Linh	886	886		
+	Đường và kè xuống bến thuyền thôn Vĩnh Mốc, xã Vĩnh Thạch	UBND H.Vĩnh Linh	883	883		
+	Chợ cá xã Vĩnh Quang	UBND H.Vĩnh Linh	887	887		
e	Huyện đảo Cồn Cỏ	UBND H. Đ Cồn Cỏ	1.000	1.000		
2	Dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn đặc biệt khó khăn		34.040	25.200	8.840	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
2.1	Huyện Hướng Hóa		17.850	13.100	4.750	Mức phân bổ theo tạm thời theo số vốn đã bố tại QĐ số 1898/QĐ-BKHĐT ngày 17/12/13 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Danh sách xã theo Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/13 của Thủ tướng Chính phủ, danh sách thôn, bản theo Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Ủy ban Dân tộc
-	06 xã: Hướng Sơn, Hướng Linh, A Túc, Hướng Lộc, Xy, Húc thực hiện Nghị quyết 06/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (có đường GTLT Pá Xía đi thôn Ra Ty xã Hướng Lộc)	UBND H. Hướng Hóa	7.200	5.400	1.800	
-	10 xã: Tân Long; Tân Thành; Thuận; Ba Tầng; Thanh; A Dơi; Hướng Tân; Hướng Phùng; Hướng Việt; Hướng Lập	UBND H. Hướng Hóa	8.500	6.000	2.500	
-	Thị trấn Khe Sanh, 01 thôn: Khối 6;	UBND thị trấn Khe Sanh	255	200	55	
-	Thị trấn Lao Bảo, 02 thôn: Ka Túp, Ka Tầng	UBND thị trấn Lao Bảo	510	400	110	
-	Xã A Xing, 01 thôn: Cu Rong	UBND xã A Xing	255	200	55	
-	Xã Tân Hợp, 01 thôn: Tà Đù	UBND xã Tân Hợp	368	300	68	
-	Xã Tân Lập, 03 thôn: Bản Vây, Bản Cồn và Bản Bù	UBND xã Tân Lập	762	600	162	
2.2	Huyện Đakrông		9.447	6.900	2.547	
-	8 xã: A Bung; A Ngo; A Vao; Ba Nang; Đakrông; Húc Nghi; Tà Long; Tà Rụt	UBND H. Đakrông	6.900	4.900	2.000	
-	TT Krông Klang, 02 thôn: Khe Xong, A Rông	UBND thị trấn Krông Klang	510	400	110	
-	xã Ba Lòng, 01 thôn: Khe Cau	UBND xã Ba Lòng	255	200	55	
-	xã Hướng Hiệp, 03 thôn: Kreng, Pa Loang và Khe Hiên	UBND xã Hướng Hiệp	762	600	162	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
-	xã Hải Phúc,01 thôn: Tà Lang	UBND xã Hải Phúc	255	200	55	Mức phân bổ theo tạm thời theo số vốn đã bố tại QĐ số 1898/QĐ-BKHĐT ngày 17/12/13 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Danh sách xã theo Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/13 của Thủ tướng Chính phủ, danh sách thôn, bản theo Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Ủy ban Dân tộc
-	xã Mò Ó, 02 thôn: Phú Thiềng và Khe Luồi	UBND xã Hải Phúc	510	400	110	
-	xã Triệu Nguyên, 01 thôn: Vạn Nà Nấm	UBND xã Hải Phúc	255	200	55	
2.3	Huyện Vĩnh Linh		3.833	3.000	833	
-	Vĩnh Ô (Thực hiện NQ 06/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh)	UBND H. V.Linh	1.200	900	300	
-	xã Vĩnh Hà, 04 thôn: Bãi Hà, Khe Trù, Xóm Mới, Khe Hó (Thôn: Bãi Hà thực hiện NQ 06: 300 triệu đồng)	UBND xã Vĩnh Hà	1.131	900	231	
-	xã Vĩnh Khê, 05 thôn: Khe Lương, Bến Mung, Khe Cát, Đá Moọc, Khe Trầm (02 thôn: Khe Lương và Bến Mung thực hiện NQ 06: 300 triệu đồng)	UBND xã Vĩnh Khê	1.502	1.200	302	
2.4	Huyện Gio Linh		2.655	2.000	655	
-	2 xã: Linh Thượng, Vĩnh Trường thực hiện Nghị quyết 06/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	UBND H.G.Linh	2.400	1.800	600	
-	xã Hải Thái, 1 thôn: Trảng Rộng	UBND xã Hải Thái	255	200	55	
2.5	Huyện Cam Lộ		255	200	55	
-	xã Cam Tuyền, 1 thôn: Bản Chùa	UBND xã Cam Tuyền	255	200	55	
3	Dự án: nhân rộng mô hình giảm nghèo		500		500	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
-	Nhân rộng các mô hình giảm nghèo	UBND h. Hướng Hóa	250		250	Thực hiện xã Thuộc Đề án 814/ĐA-UBND
-	Nhân rộng các mô hình giảm nghèo	UBND h. Vĩnh Linh	250		250	Thực hiện tại xã Vĩnh Ô
4	Dự án : Hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình		230		230	
4.1	Nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông	Sở LĐ-TB và XH	44		44	
4.2	Giám sát, đánh giá thực hiện chương trình		186		186	
-	Các Sở thuộc BCD					
		Sở LĐ-TB và XH	45		45	
		Ban Dân tộc	15		15	
		Sở KH&ĐT	10		10	
		Sở Tài chính	10		10	
-	Huyện Hướng Hóa	Phòng LĐ-TB và XH Hướng Hóa	15		15	
-	Huyện Đakrông	Phòng LĐ-TB và XH Đakrông	12		12	
-	Huyện Cam Lộ	Phòng LĐ-TB và XH Cam Lộ	10		10	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
-	Huyện Gio Linh	Phòng LĐ-TB và XH Gio Linh	12		12	
-	Huyện Vĩnh Linh	Phòng LĐ-TB và XH Vĩnh Linh	15		15	
-	Huyện Triệu Phong	Phòng LĐ-TB và XH Tr.Phong	15		15	
-	Huyện Hải Lăng	Phòng LĐ-TB và XH Hải Lăng	15		15	
-	Thị xã Quảng Trị	Phòng LĐ-TB và XH TX Q. Trị	5		5	
-	Thành phố Đông Hà	Phòng LĐ-TB và XH TP Đ.Hà	7		7	
III	Chương trình MTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn		17.180	15.480	1.700	
1	Dự án 1: Cấp nước sinh hoạt nông thôn, môi trường nông thôn		14.618	14.338	280	
1.1	Tiểu DA 1: Dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn		11.685	11.685		
a	Các dự án hoàn thành năm 2014		3.500	3.500		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Mai Lộc 1, Mai Lộc 3 xã Cam Chính, huyện Cam Lộ	TT nước SH và VSMTNT	3.500	3.500		
b	Các dự án khởi công mới		8.185	8.185		

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Hải Ba, huyện Hải Lăng	TT nước SH và VSMTNT	5.335	5.335		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong (Giai đoạn II)	TT nước SH và VSMTNT	2.000	2.000		
-	Hệ thống cấp nước Bản Chùa xã Cam Tuyền huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	700	700		
-	Mở rộng hệ thống cấp nước SH thôn Trung An, Phú Ân xã Hải Thái, huyện Gio Linh	TT nước SH và VSMTNT	150	150		CBĐT
1.2	Tiểu DA 2: Dự án cấp nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh trường học mầm non, trường học phổ thông		2.653	2.653		
a	<i>Các dự án hoàn thành chưa bố trí đủ vốn</i>		<i>548</i>	<i>548</i>		
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường THCS Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh	Sở Giáo dục đào tạo	90	90		Còn lại vốn đối ứng sau khi QT
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường THCS Gio Thành, huyện Gio Linh	Sở Giáo dục đào tạo	15	15		nt
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường THCS Hải Sơn, huyện Hải Lăng	Sở Giáo dục đào tạo	82	82		nt
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường mẫu giáo số 1 Đakrông, huyện Đakrông	Sở Giáo dục đào tạo	59	59		nt
-	- Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường PTCS Tân Lập, huyện Hướng Hóa	Sở Giáo dục đào tạo	28	28		nt
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường tiểu học Hải An, huyện Hải Lăng	Sở Giáo dục đào tạo	80	80		nt

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường THCS Tôn Thất Thuyết, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ	Sở Giáo dục đào tạo	65	65		nt
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường THCS Mạc Đình Chi, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị	Sở Giáo dục đào tạo	59	59		nt
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường THCS Hải Thái, huyện Gio Linh	Sở Giáo dục đào tạo	12	12		nt
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường tiểu học số 1 Triệu Long, huyện Triệu Phong	Sở Giáo dục đào tạo	58	58		nt
b	Các dự án khởi công mới		2.105	2.105		
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường tiểu học số 1 xã Triệu Hòa, huyện Triệu Phong	UBND Triệu Phong	200	200		
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường THCS Triệu Lăng, xã Triệu Lăng	UBND Triệu Phong	200	200		
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường THCS Triệu Đông, huyện Triệu Phong	UBND Triệu Phong	200	200		
-	Nhà vệ sinh Trường THCS xã Trung Hải huyện Gio Linh	UBND xã Trung Hải	200	200		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh trường mầm non Hoa Hồng, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ	UBND Cam Lộ	200	200		
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường Mầm Non Hải An, xã Hải An	Sở Giáo dục và ĐT	156	156		
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh TrườngTHCS xã Vĩnh Chấp	Sở Giáo dục và ĐT	200	200		

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường THPT Cửa Tùng, xã Vĩnh Tân	Sở Giáo dục và ĐT	200	200		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh trường THCS Nguyễn Huệ, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ	UBND Cam Lộ	200	200		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trường mầm non Hoa phượng, xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ	UBND Cam Lộ	99	99		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Ba Nang, xã Ba Nang, huyện ĐaKrông	Sở Giáo dục và ĐT	250	250		
1.3	Tiểu DA 3: Xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh	Phòng NN và PTNT các huyện	280		280	
2	Dự án 2: Vệ sinh nông thôn		1.382	1.142	240	
1.1	Tiểu DA 1 : Xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình	TT y tế dự phòng các huyện	240		240	
1.2	Tiểu DA 2: Xây dựng công trình nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh trạm y tế xã		1.142	1.142		
a	Các dự án hoàn thành chưa bố trí đủ vốn		701	701		
-	Xây dựng công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trạm Y tế xã Đakrông	Sở Y tế	343	343		Còn lại vốn đối ứng sau khi QT
-	Xây dựng công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trạm Y tế xã Gio Bình, huyện Gio Linh	Sở Y tế	163	163		nt
-	Xây dựng công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trạm Y tế xã Vĩnh Tú huyện Vĩnh Linh đạt chuẩn	Sở Y tế	102	102		nt

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
-	Xây dựng công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trạm Y tế xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong đạt chuẩn	Sở Y tế	93	93		nt
b	Các dự án khôi công mới		441	441		
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trạm Y tế xã Gio Châu, huyện Gio Linh	Sở Y tế	150	150		
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trạm Y tế xã Túc, huyện Hướng Hóa	Sở Y tế	150	150		
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh Trạm Y tế xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong	Sở Y tế	141	141		
3	Dự án 3: nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình		1.180		1.180	
3.1	Trung tâm nước SH (Quy hoạch; Tập huấn; Truyền thông về nước sạch NT; Theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình; Hoạt động của BDH)		890		890	
3.2	Công tác truyền thông		290		290	
-	Thông tin giáo dục- truyền thông trong trường học	Sở GD&ĐT	50		50	
-	Thông tin- giáo dục- truyền thông nâng cao nhận thức người dân tham gia xây dựng, cải tạo nhà tiêu hộ gia đình đảm bảo hợp vệ sinh	Sở Y tế	240		240	Theo VB 4606/BNN-TCTL 27/12/2013 của Bộ NN-PTNT
IV	Chương trình MTQG Y tế		2.463		2.463	
1	Dự án: Phòng, chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng		1.452		1.452	
-	Phòng chống Phong	Sở Y tế	70		70	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
-	Phòng chống Lao	nt	150		150	
-	Phòng chống sốt rét	nt	300		300	
-	Phòng chống bệnh sốt xuất huyết	nt	300		300	
-	Phòng chống tăng huyết áp	nt	150		150	
-	Phòng chống đái tháo đường	nt	160		160	
-	Bảo vệ sức khỏe tâm thần và cộng đồng	nt	322		322	
2	Dự án: Chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	Sở Y tế	719		719	
-	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	nt	230		230	
-	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng TE	nt	489		489	
3	Dự án: Nâng cao năng lực truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	Sở Y tế	292		292	
V	Chương trình Dân số - KHH gia đình		3.620		3.620	
1	Dự án : Đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ KHH gia đình.	Chi cục DSKHHGĐ	1.681		1.681	
2	Dự án: Tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh	Chi cục DSKHHGĐ	424		424	
3	Dự án: Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình.	Chi cục DSKHHGĐ	128		128	
4	Đề án kiểm soát dân số các vùng biển đảo, đảo và ven biển.	Chi cục DSKHHGĐ	1.387		1.387	
VI	Chương trình MTQG Vệ sinh an toàn thực phẩm		2.677	2.000	677	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
1	Dự án: nâng cao năng lực quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm		163		163	
2	Dự án: thông tin giáo dục truyền thông bảo đảm chất lượng VSATTP		159		159	
3	Dự án: tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm chất lượng VSATTP		2.060	2.000	60	
3.1	Trang thiết bị kiểm nghiệm chất lượng VSAT thực phẩm		2.000	2.000		
-	Mua sắm trang thiết bị	Sở Y tế	2.000	2.000		
3.2	Tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	Trung tâm KN thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	60		60	
4	Dự án: Phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm		176		176	
5	Dự án : bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất nông, lâm, thủy sản	CCQL chất lượng nông LS và thủy sản	119		119	
VII	Chương trình MTQG Văn hóa		4.249	3.000	1.249	
1	Dự án: Chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích		3.300	3.000	300	
-	Nhà Trưng bày Di tích Địa đạo Vĩnh Mốc, huyện Vĩnh Linh	TT Bảo tồn DT&DT	1.500	1.500		
-	Bảo tồn, phục dựng và tôn tạo một số hạng mục di tích nhà đày Lao Bảo, huyện Hướng Hóa	TT Bảo tồn DT&DT	1.800	1.500	300	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
2	Dự án: Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao các huyện miền núi vùng sâu, vùng xa		924		924	
-	Bảo tồn bản Kalu, xã Đakrông, huyện Đakrông	Sở VH-TT&DL	600		600	
-	Đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao các huyện miền núi vùng sâu, vùng xa	Sở VH-TT&DL	224		224	
-	Cấp sách cho hệ thống thư viện huyện miền núi, vùng sâu	Thư viện tỉnh	100		100	
3	Dự án: tăng cường năng lực cán bộ văn hóa cơ sở, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình	Sở VH-TT&DL	25		25	
VIII	Chương trình MTQG Giáo dục-Đào tạo		16.000		16.000	
1	Dự án: Hỗ trợ phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học		4.360		4.360	
1.1	Duy trì kết quả phổ cập tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục THCS đúng độ tuổi, Hỗ trợ giáo dục trung học		800		800	
-	Huyện Vĩnh Linh	Phòng GD&ĐT Vĩnh Linh	70		70	
-	Huyện Gio Linh	Phòng GD&ĐT Gio Linh	70		70	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
-	Thành phố Đông Hà	Phòng GD&ĐT TPĐông Hà	40		40	
-	Huyện Triệu Phong	Phòng GD&ĐT Triệu Phong	70		70	
-	Thị xã Quảng Trị	Phòng GD&ĐT TXQ.Trị	30		30	
-	Huyện Hải Lăng	Phòng GD&ĐT Hải Lăng	70		70	
-	Huyện Cam Lộ	Phòng GD&ĐT Cam Lộ	40		40	
-	Huyện Đakrông	Phòng GD&ĐT Đakrông	130		130	
-	Huyện Hướng Hoá	Phòng GD&ĐT Hướng Hóa	180		180	
-	Thực hiện phổ cập bậc trung học theo NQ số 17/2012/NQ-HĐND	Sở GD&ĐT	100		100	
1.2	Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi		3.560		3.560	
a	Bồi dưỡng, tập huấn phổ cập MN 5 tuổi	Sở GD&ĐT	100		100	
b	Trang thiết bị dạy học tối thiểu cho các nhóm lớp mầm non để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới; trang thiết bị nội thất dùng chung, đồ chơi ngoài trời và làm quen máy tính	Sở GD&ĐT	3.460		3.460	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
-	Thiết bị đồ chơi lớp học, dùng chung, ngoài trời và làm quen ngoại ngữ, tin học	Sở GD&ĐT	3.460		3.460	
2	Dự án: Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân		800		800	
-	Bồi dưỡng ngoại ngữ giáo viên	Sở GD-ĐT	800		800	
3	Dự án: Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn; hỗ trợ cơ sở vật chất trường chuyên, trường SP		10.760		10.760	
3.1	Các dự án do Sở GD-ĐT làm chủ đầu tư		7.160		7.160	
-	Hỗ trợ học phẩm cho học sinh miền núi	Sở GD-ĐT	500		500	
-	Bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên	Sở GD-ĐT	200		200	
-	Nhà nội trú Trường PTDTNT Đăkrông	Sở GD-ĐT	3.500		3.500	
-	Nhà nội trú Trường PTDTNT Hướng Hóa	Sở GD-ĐT	2.960		2.960	
3.2	Hỗ trợ các trường ở vùng khó khăn của các huyện, các xã thực hiện NQ 06/2012/NQ-HĐND, xây dựng nông thôn mới		1.600		1.600	
-	Trường THCS bán trú Hướng Lộc, huyện Hướng Hóa	UBND h. H. Hóa	800		800	Thực hiện NQ 06/2012/NQ-HĐND tỉnh
-	Trường PTCS bán trú Ba Nang, huyện Đăkrông	UBND h. Đăkrông	800		800	
3.3	Hỗ trợ cơ sở vật chất Trường chuyên		1.000		1.000	

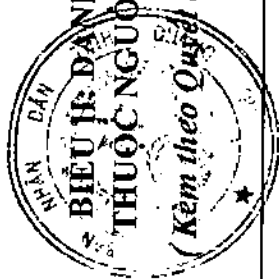
TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
-	Nhà học thực hành Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, TP Đông Hà	Sở GD-ĐT	1.000		1.000	
3.4	Hỗ trợ Trường sư phạm		1.000		1.000	
-	Giảng đường đa năng Trường Cao đẳng sư phạm	Trường CDSP Q.Trị	1.000		1.000	Hoàn thành
4	Dự án: Nâng cao năng lực cán bộ quản lý chương trình và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	Sở GD-ĐT	80		80	
IX	Chương trình MTQG Phòng, chống ma túy		1.040		1.040	
1	Dự án: Xây dựng xã, phường, thị trấn không tệ nạn ma túy	Công an tỉnh	700		700	
2	Dự án: Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện và nghiên cứu, triển khai ứng dụng, đánh giá các loại thuốc, phương pháp y học trong điều trị, phục hồi chức năng cho người nghiện ma túy		200		200	
-	Chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone	Sở Y tế	200		200	
3	Dự án: Thông tin tuyên truyền phòng, chống ma túy và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình		140		140	
3.1	Tiểu dự án 1: Tăng cường hoạt động truyền thông về phòng, chống ma túy	Sở TT-TT	40		40	
3.2	Tiểu dự án 2: Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền về phòng, chống ma túy tại các địa phương trọng điểm về ma túy	Sở VH-TT và Du lịch	40		40	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
3.3	Tiểu dự án 3: Tăng cường năng lực phòng, chống ma túy trong trường học tại các khu vực phức tạp về tệ nạn ma túy	Sở Giáo dục và Đào tạo	40		40	
3.4	Tiểu dự án 4: Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	Công an tỉnh	20		20	
X	Chương trình MTQG phòng chống tội phạm		292		292	
-	Tăng cường công tác giáo dục, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	Công an tỉnh	292		292	CT130: 50 Triệu đồng
XI	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		5.943		5.943	
1	Tuyên truyền, tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xây dựng nông thôn mới		1.287		1.287	
-	Tỉnh quản lý	Chi cục PTNT Q.Trị	585		585	
-	Huyện quản lý	UBND các huyện	702		702	
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề		4.100		4.100	
-	Huyện Vĩnh Linh,06 xã: Vĩnh Lâm, Vĩnh Thủy, Vĩnh Kim, Vĩnh Hiền, Vĩnh Thạch, Vĩnh Trung	UBND các xã	780		780	
-	Huyện Gio Linh,04 xã: Gio An, Trung Giang, Gio Mai, Gio Phong	UBND các xã	520		520	
-	Huyện Triệu Phong ,04 xã: Triệu Trạch, Triệu Thành, Triệu Phước, Triệu Thuận	UBND các xã	520		520	
-	Huyện Hải Lăng (05 xã): Hải Thượng, Hải Ba, Hải Phú, Hải Tân, Hải Lâm	UBND các xã	650		650	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
-	Huyện Cam Lộ,03 xã: Cam Thủy, Cam An, Cam Nghĩa	UBND các xã	390		390	
-	Huyện Đakrông ,03 xã: Mò Ó, Hướng Hiệp, A Ngo	UBND các xã	390		390	
-	Huyện Hướng Hóa ,04 xã: Thuận, Hướng Phùng, Tân Liên, A Túc	UBND các xã	520		520	
-	Thị xã Quảng Trị ,01 xã: xã Hải Lệ	UBND các xã	130		130	
-	Đề lại giao sau		200		200	
3	Kinh phí quản lý chương trình		556		556	
-	Lập thiết kế mẫu, thiết kế điển hình các công trình kênh mương nội đồng có qui mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản	Sở NN và PTNT				Chi tiết sau khi được giao vốn ĐTPT
-	Quản lý chương trình	BCĐ tỉnh, huyện				
XII	Chương trình MTQG Phòng, chống HIV/AIDS.		2.657	2.000	657	
1	Dự án : Thông tin giáo dục truyền thông thay đổi hành vi phòng chống HIV/AIDS	TT phòng chống HIV/AIDS	250		250	
2	Dự án: Giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV	nt	365		365	
3	Dự án : Hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	nt	42		42	
4	Dự án: Tăng cường năng lực cho các Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS	nt	2.000	2.000		
-	Mua sắm trang, thiết bị	nt	2.000	2.000		

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2014			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				ĐTPT	SN	
XIII	Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa.		1.000		1.000	
1	Dự án : tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và thông tin cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo		1.000		1.000	
-	Nâng cấp, mua sắm trang thiết bị hệ thống Đài truyền thanh huyện đảo Côn Cỏ	Sở Thông tin và TT	300		300	
-	Trang thiết bị hệ thống phát thanh Trạm Truyền thanh xã A Xing, huyện Hướng Hóa	Sở Thông tin và TT	300		300	
-	Trang thiết bị hệ thống phát thanh Trạm Truyền thanh xã Tân Thành, huyện Hướng Hóa	Sở Thông tin và TT	400		400	

Pho



**BIỂU IR DANH MỤC CÔNG TRÌNH VÀ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH 2014
THUỘC NGUỒN VỐN GIẢM NGHÈO NHANH VÀ BỀN VỮNG THEO NGHỊ QUYẾT 30A
(Kèm theo Quyết định số 209 /UBND-CN ngày 27 tháng 01 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG					111.158	111.158	36.044	33.680	
A	<i>Dự án hoàn thành 2014</i>					20.345	20.345	14.744	4.909,32	
1	Trung tâm dạy nghề tổng hợp huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	2414m ²	11-13	263/QĐ-UBND 17/2/11 và 2134/QĐ-UBND 18/10/11	13.348	13.348	12.044	1.200,00	
2	Nâng cấp đường vào khu kinh tế mới xã Tà Rụt (Km3+809 - Km5+080,22)	UBND huyện Đakrông	2430m	13-14	2479/QĐ-UBND 24/10/12	2.374,2	2.374,2	900,0	1.100,00	
3	Nâng cấp Trường mầm non Ba Lũng (thôn Văn vận, Tân trà xã Ba Lũng)	UBND huyện Đakrông	576m ²	13-15	2488/QĐ-UBND 24/10/2012	1.656	1.656	800	800,00	
4	Nâng cấp hệ thống cấp điện cho các thôn: Phú thiềng, Ba rầu, Khe lạn xã Mò Ó	UBND huyện Đakrông	178 hộ	13-15	2484/QĐ-UBND 24/10/2012	2.966,5	2.966,5	1.000	1.500,00	
5	Trả nợ các công trình quyết toán	UBND huyện Đakrông							309,32	
B	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					72.621	72.621	21.300	25.095,00	

1	Nâng cấp đường liên thôn Tà Rọc-Đá bàn xã Ba Nang (Km2+419,67 - Km4+160,36)	UBND huyện Dakrông	1200m	13-15	2461/QĐ-UBND 23/10/12	4.999	4.999	1.500	1.600,00	
2	Đường liên thôn Sa Ta-A đư xã Tà Long (Km3+915,20 - Km4+740,53)	UBND huyện Dakrông	845m	13-15	2462/QĐ-UBND 23/10/12	4.972	4.972	1.500	1.600,00	
3	Kiên cố hóa đường vào thôn Cọp xã Húc Nghi	UBND huyện Dakrông	2650m	13-15	2463/QĐ-UBND 23/10/2012	4.999,3	4.999,3	1.500	1.800,00	
4	Nâng cấp đường giao thông thôn kỳ ne xã A Ngo	UBND huyện Dakrông	896m	13-15	2464/QĐ-UBND huyện 23/10/2012	4.999,5	4.999,5	1.500	1.725,00	
5	Đường liên thôn Pa Linh - A Sau, xã A Vao (Km0+850,19 - thôn A Sau)	UBND huyện Dakrông	650,48m	13-15	2465/QĐ-UBND 23/10/2012	4.999	4.999	1.500	1.700,00	
6	Đường từ TTCX A Bung đến thôn Cọp, A Luông xã A Bung (Lý trình: Km4+607 - Km5+124,95)	UBND huyện Dakrông	1287m	13-14	2480/QĐ-UBND 24/10/2012	4.985	4.985	1.500	1.800,00	
7	Trường THCS Dakrông (thôn Kalu)	UBND huyện Dakrông	8 phòng học	13-15	2481/QĐ-UBND 24/10/2012	4.412	4.412	1.000	1.720,00	
8	Trường mẫu giáo Ba Nang (Hàng mục: - Điểm trường thôn Bù (01 phòng học, 01 phòng ở giáo viên) - Điểm trường thôn Trầm (03 phòng học, 02 phòng ở giáo viên - Điểm trường thôn Ngược (01 phòng học, 01 phòng ở giáo viên).	UBND huyện Dakrông	9 phòng	13-15	2483/QĐ-UBND 24/10/12	4.967,8	4.967,8	1.200	1.800,00	
9	Trường Tiểu học xã Ba Nang - Hàng mục: Nhà hiệu bộ, sân bê tông.	UBND huyện Dakrông	250m2	13-14	2482/QĐ-UBND huyện 24/10/2012	2.945	2.945	1.000	1.425,00	
10	Đường giao thông thôn Xa Vi xã Hướng Hiệp	UBND huyện Dakrông	1200m	13-15	2466/QĐ-UBND huyện 23/10/2012	4.880,6	4.880,6	1.600	1.800,00	
11	Trạm y tế xã Triệu Nguyên	UBND huyện Dakrông	262m2	13-15	2485/QĐ-UBND 24/10/2012	4.896,5	4.896,5	1.500	1.500,00	

12	Nâng cấp, sửa chữa đường liên thôn Xa Rúc - Phú An, xã Hướng Hiệp	UBND huyện Đakrông	2558,45m	13-15	377/QĐ-UBND 18/04/2012	4.999,4	4.999	1.500	1.625,00	
13	Thủy lợi Khe Su xã Hải Phúc	UBND huyện Đakrông	16,75ha	13-15	2294/QĐ-UBND	10.762	10.762	3.000	3.500,00	
14	Đường liên thôn Rò Rô 2- Rò Rô 1 xã A Vao (Km2+251,14 - Km2+985,83)	UBND huyện Đakrông	734,69m	13-15	2489/QĐ-UBND 24/10/2012	4.804,2	4.804,2	1.500	1.500,00	
C	<i>Dự án khởi công mới 2014</i>					18.191,8	18.191,8		3.675,68	
1	Nâng cấp đường giao thông thôn A Bung- La Hót, xã A Bung, huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	638m	14-15	2171/QĐ-UBND 29/10/2013	4.398,1	4.398,1		840,00	+ Nguồn khác 800 triệu đồng
2	Hệ Thống thủy lợi thôn Kê xã Tà Long, huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	8 ha	14-15	2170/QĐ-UBND 29/10/2013	4.490,1	4.490,1		995,68	+ Nguồn khác 600 triệu đồng
3	Trường tiểu học Ba Nang – Thôn Tà Mên , huyện Đakrông. Hạng mục: Nhà 08 phòng học	UBND huyện Đakrông	8 phòng học	14-15	2172/QĐ-UBND 29/10/2013	4.695,4	4.695,4		840,00	+ Nguồn khác 800 triệu đồng
4	Đường liên thôn Sa Ta – A Đu xã Tà Long, huyện Đakrông. Ly trình: Km 4+740,53 – Km 5+152,27	UBND huyện Đakrông	412m	14-15	2213/QĐ-UBND 30/10/2013	4.608,2	4.608,2		1.000,00	+ Nguồn khác 600 triệu đồng

0m8